TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày 17-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công B

Bà Hoàng Thị C

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Minh T, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 27/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2018/QĐST-KDTM, ngày 27/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Cổ phần Thương mại C (sau đây gọi tắt là B); địa chỉ: Số 35 H, phường L, quận H, thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Người đại diện theo pháp luật ông Phan Đức T, Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Thanh B (Văn bản ủy quyền số 8659/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 và Văn bản ủy quyền số 445G/QĐ-BIDV.LT, ngày 28/10/2017 của Giám đốc VIDB Chi nhánh L), có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Hộ kinh doanh cá thể do bà Phạm Thị M đại diện, địa chỉ: Tổ 5, phường P, quận K, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị Th, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà CL (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ), (sau đây gọi tắt là B) cho hộ kinh doanh cá thể do bà Phạm Thị M đại diện vay số tiền 150.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: N.A.1239.13/HĐTD ngày 16/10/2013; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động buôn bán bạc, mỹ ký; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi suất vay trong hạn được áp dụng theo hình thức thả nổi kỳ đầu tiên là 13%/năm cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của B, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả lãi mỗi tháng một lần từ ngày 15 đến ngày 20 hàng tháng, trả nợ gốc sau đủ 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng quyền sử dụng 85m^2, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Thôn K, xã M, huyện A, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện A, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 141393 ngày 14/9/2012 cho bà Phạm Thị M. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 16/10/2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dung đất huyện A, thành phố H, ngày 17/10/2013, B đã giải ngân cho bà M số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số: N.A.1239.13/ GNN ngày 17/10/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị M đã trả lãi cho Ngân hàng được 187.170 đồng do Ngân hàng trừ tiền trong tài khoản của bà M. Đến ngày 17/10/2014, B đã chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ, nhưng bà M không trả. Nay B yêu cầu bà M phải trả nợ theo mức lãi suất thay đổi từ ngày 07/10/2014 đến 04/02/2015 là 13%/năm; từ ngày 04/02/2015 đến ngày 01/7/2016 là 9,5%/năm; từ ngày 01/7/2016 đến ngày xét xử (17/4/2018) là 10,5%/năm. Tổng số tiền tính đến ngày 17/4/2018 là: 251.965.035 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn: 74504.600 đồng; lãi quá hạn: 27.460.435 đồng. Trường hợp bà Phạm Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì B đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, cho nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Th trình bày: Chị đã cho anh Nguyễn Văn D, cư trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố H mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để anh D cầm cố vay của bà Phạm Thị M số tiền 100.000.000 đồng. Khi gặp bà M thì bà M bảo chị làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà và sử dụng đất cho bà Mai để bà M làm thủ tục thế chấp tại Ngân hàng thì vay được số tiền nhiều hơn. Chị Ngô Thị Th đồng ý và đã tự nguyện làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho bà M. Bà M đã được UBND huyện A, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bà M đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vay của B số tiền 150.000.000 đồng trừ vào số tiền anh

Nguyễn Văn D vay của bà M. Nay bà M không trả tiền cho Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ, chị Th có trách nhiệm trả dần tiền cho Ngân hàng (thay bà M) để không bị xử lý tài sản thế chấp.

Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận xét ở phần nhận định của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B và Hộ kinh doanh cá thể do bà Phạm Thị M đại diện đã được Phòng Tài chính Kế hoạch quận K, thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 02D8003410, ngày 16/8/2013, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận K, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự vào ngày 23/01/2018 và ngày 09/02/2018, nhưng bị đơn đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ và công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Ngân hàng B cho hộ kinh doanh cá thể do bà Phạm Thị M đại diện vay số tiền 150.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: NA.1239.13/HĐTD ngày 16/10/2013. Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 17 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, phù hợp với đạo đức xã hội. Các bên đương sự ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyên, không bị lừa dối hay cưỡng ép. Do đó hợp đồng phát sinh hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị M đã được giải ngân theo Giấy nhận nợ số: N.A.1239.13/ GNN ngày 17/10/2013 số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân bà Phạm Thị M đã sử dụng vốn vay, từ đó đến nay bà M mới trả được 187.170 đồng tiền lãi do B trừ tiền trong tài khoản của bà M.

Nay B khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị M phải trả số tiền tính đến ngày xét xử tổng số tiền là: 251.965.035 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn: 74.504.600 đồng; lãi quá hạn: 27.460.435 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[4] Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liêu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định cho đến ngày xét xử sơ thẩm tài sản thế chấp theo hợp đồng không có sự thay đổi, chuyển dịch. Tuy nhiên, hiện nay tài sản thế chấp đang do chị Ngô Thị Th quản lý sử dụng. Tài sản này do chị Ngô Thị Th tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản cho bà Phạm Thị M. Bà M đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 141393 ngày 14/9/2012. Sau đó, bà Phạm Thị M thế chấp cho Ngân hàng vay tiền thì bà Th và bà M cùng phải chịu trách nhiệm. Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều từ 715 đến Điều 720 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9; Điều 12 chương II Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định "Về giao dịch bảo đảm" và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong các hợp đồng. Do đó khi bị đơn không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp là đúng quy định tại các điều 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351,352, 353, 355 và Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005. Trong trường hợp tài sản thế chấp có biến động hoặc không còn nguyên giá trị do lỗi của bên nhận thế chấp, bên thế chấp thì các bên cùng phải chịu trách nhiệm. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của B, buộc bà Phạm Thị M phải trả nợ cho B, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 251.965.035 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn: 74504.600 đồng; lãi quá hạn: 27.460.435 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Trong trường hợp bà Phạm Thị M không trả được nợ thì B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng 85m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Thôn K, xã M, huyện A, thành phố đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 141393 ngày 14/9/2012 cho bà Phạm Thị M.

Về yêu cầu của chị Ngô Thị Th đề nghị được trả dần tiền cho B (thay bà M) để không bị phát mại tài sản, nhưng đại diện B không đồng ý, nên yêu cầu của chị Th không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được hoàn trả.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng

xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị M phải trả B số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 251.965.035 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn: 74.504.600 đồng; lãi quá hạn: 27.460.435 đồng. Trường hợp bà Phạm Thị M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bà Phạm Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 290, 342, 343, 471; 474, 715, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12; 51; 54 ; 90; 91; 95 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010 ngày 16/06/2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2018) làm tròn là: 251.965.000 đồng *(Hai trăm năm mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*; lãi trong hạn: 74.504.600 đồng *(Bảy mươi tư triệu năm trăm linh tư nghìn sáu trăm đồng)*; lãi quá hạn làm tròn là: 27.460.400 đồng *(Hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng)*.

Trong trường hợp bà Phạm Thị M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng 85m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Thôn Kim Châm, xã M, huyện A, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 141393 ngày 14/9/2012 cho bà Phạm Thị M.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà bà Phạm Thị M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án, cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 5.400.000đ *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu ký hiệu AA/2014 số 0010407 ngày 31/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H.

Bà Phạm Thị M phải chịu 12.598.000đ *(Mười hai triệu năm trăm chín tám nghìn đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- TAND tp H;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đặng Tr